

Số: /BC-SCT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo

Sở Công Thương nhận được Công văn số 683/STNMT-BHĐ ngày 02/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 của của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; đề xuất nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển (gọi tắt là Nghị quyết 01); Sở Công Thương báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

Kết quả thực hiện Nghị quyết 01 về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

I. Kết quả tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Nghị quyết 01

Triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập quán triệt cho toàn thể đảng viên, công chức, viên chức thông qua các lớp học tập chuyên đề hoặc kết hợp lồng ghép trong các buổi sinh hoạt Đảng về triển khai thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết 01; Kết hợp Xây dựng ban hành Kế hoạch số 1211/SCT-KH ngày 23/6/2017 về triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

II. Kết quả thực hiện chỉ tiêu về công nghiệp thương mại

1. Về Công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo SS 2010) toàn tỉnh, năm 2016 đạt 109.384 tỷ đồng thì đến năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 134.062 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 4,66%/năm, trong đó, về quy mô, cơ cấu ngành, tỷ trọng ngành công nghiệp ven biển năm 2020 chiếm trên 98% cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh, cụ thể:

Công nghiệp lọc hóa dầu chiếm tỷ trọng 60%; công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống chiếm 8%; công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị cơ khí chiếm 6%, chế biến nông lâm sản chiếm 2,5%; ...

Một số sản phẩm vùng ven biển, hải đảo chủ yếu là:

- Sản lượng thủy sản chế biến tại các vùng ven biển, hải đảo trên địa bàn tăng dần qua các năm. Giai đoạn 2016-2020, đạt trung bình trên 9.500 tấn/năm; Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 17,74 triệu USD.

- Sản phẩm lọc hóa dầu: Năm 2020, ngành lọc dầu chiếm tỷ trọng 59,97% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp,

- Các sản phẩm cơ khí, thiết bị công nghiệp nặng của Công ty Doosan Vina tiếp tục mang lại giá trị xuất khẩu cao, chiếm 50,7% tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn, đồng thời thay thế một số mặt hàng nhập khẩu, phục vụ nhu cầu trong nước.

- Năm 2019, có thêm sản phẩm mới là sản phẩm thép của Tập đoàn Hòa Phát. Đến năm 2020, sản lượng thép đạt 3.046 ngàn tấn, kim ngạch xuất khẩu chiếm 33,9% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

2. Kim ngạch xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 1.409 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 29%. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm thuộc kinh tế biển chiếm tỷ trọng 64% trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 40%). Kim ngạch xuất khẩu chủ yếu là Thủy sản chế biến, Dầu FO, sản phẩm cơ khí, thép.

III. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chủ yếu

1. Về công nghiệp

a. Nhiệm vụ quy hoạch

- Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất thành Trung tâm công nghiệp ven biển của Khu vực miền Trung; Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia; cửa ngõ để ra biển Đông; là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của tỉnh, với nhiệm vụ này, Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất về chủ trương và giao cho Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án Quy hoạch Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại KKT Dung Quất.

- Quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Đồng thời, thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động của các cụm công nghiệp ven biển trên địa bàn.

- Thực hiện Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2020, có xét đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, ưu tiên cho các dự án năng lượng mặt trời, gió, thủy triều tại các huyện, thành phố ven biển, hải đảo.

- Triển khai Quy hoạch năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

b. Tình hình phát triển công nghiệp ven biển

Giai đoạn 2016-2020, đã thu hút đầu tư được một số ngành nghề, lĩnh vực: công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; hạ tầng đô thị; đầu tư kinh doanh cảng biển và dịch vụ hàng hải; đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ ưu tiên khuyến khích, gồm:

- Công nghiệp nặng có quy mô lớn gắn với cảng nước sâu Dung Quất (luyện cán thép và phụ trợ): Đã thu hút 23 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 117.770 tỷ đồng; trong đó các dự án lớn như dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và các dự án phụ trợ cho dự án Khu liên hợp sản xuất

gang thép Hòa Phát Dung Quất như: Nhà máy tách và hoá lỏng khí công nghiệp, Nhà máy sản xuất hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất...

- Công nghiệp nhẹ (dệt may, da giày, thực phẩm,...): Đã thu hút 73 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 21.395 tỷ đồng.

- Dịch vụ, du lịch: Đã thu hút được 71 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 11.490 tỷ đồng.

- Công nghiệp điện: Đã thu hút được 02 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 36.200 tỷ đồng (*Dự án Nhà máy điện tuabin khí hồ hợp Dung Quất I và Dự án Nhà máy điện tuabin khí hồ hợp Dung Quất III*).

- Kinh doanh cảng biển và dịch vụ hàng hải: Đã thu hút được 02 dự án với tổng vốn đăng ký 3.809 tỷ đồng (*Dự án Bến cảng tổng hợp Container Hòa Phát Dung Quất và Dự án Bến tài lai dất và tài chuyên ngành dầu khí*).

- Thu hút và phát triển một số dự án ngành công nghiệp hỗ trợ đã hình thành và hoạt động nhưng quy mô còn nhỏ, chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu ngành công nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, da giày và một số doanh nghiệp sản xuất bao bì, nhựa, cơ khí; chưa thu hút được nhiều tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh để làm đầu tàu thúc đẩy hình thành hệ thống doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may (*dệt vải, sản xuất sợi, chỉ may, khuy nút, dây kéo, nhuộm,...*) phát triển nhanh vì sự lan tỏa của một số nhà máy đầu tư trong Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ VSIP Quảng Ngãi như: Nhà máy sản xuất vải, Nhà máy sản xuất sợi và Nhà máy sản xuất phụ kiện may mặc, đã góp phần nâng tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm dệt may xuất khẩu của tỉnh.

Ngoài ra, còn thu hút được các dự án khác như chế biến thủy sản, chế biến gỗ, chế biến các sản phẩm sau đường, nước giải khát, sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm phục vụ sản xuất giày da, điện tử, hình thành các dịch vụ thương mại cho thuê nhà xưởng, cung cấp suất ăn công nghiệp,...tại các CCN và KCN VSIP.

- Về phát triển cụm công nghiệp ven biển: Có 9 CCN vùng ven biển được đầu tư và hoạt động hiệu quả, một số CCN đã đạt tỷ lệ lấp đầy 100%,... Sản phẩm chủ yếu là Chế biến dăm gỗ, thức ăn chăn nuôi, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, nước mắm, sản phẩm may mặc,...

2. Về lĩnh vực thương mại

- Đối với công tác quản lý Nhà nước về xăng dầu trên huyện đảo Lý Sơn: Để tạo điều kiện cho người dân ở huyện đảo Lý Sơn được dùng xăng dầu với mức giá như đất liền và để khuyến khích người dân yên tâm vươn khơi bám biển, năm 2018 từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ chi phí vận chuyển xăng dầu từ đất liền ra đảo. Tuy nhiên, từ năm 2019-2020, cơ chế này không còn được hỗ trợ. Hiện nay, Sở Công Thương đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết hỗ trợ chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển xăng dầu từ đất liền ra đảo Lý Sơn từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Hàng năm, tổ chức từ 1 đến 02 đợt Phiên chợ hàng Việt kết hợp với Chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn” về huyện đảo Lý Sơn và các huyện

ven biển nhằm tạo cơ hội giao thương mua bán giữa doanh nghiệp và bà con nhân dân. Bên cạnh đó, với Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, Sở đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn có sản phẩm công nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp chế biến thủy sản tham gia các hội nghị kết nối cung cầu nhằm tạo cơ hội tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường trong và ngoài nước.

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 95 chợ hoạt động ven biển, hải đảo, trong đó có 02 chợ hạng 1, 6 chợ hạng 2 và 87 chợ hạng 3. Có 06 siêu thị và 02 Trung tâm thương mại hoạt động trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và Thị xã Đức Phổ. Nhìn chung, hệ thống chợ và siêu thị hoạt động hiệu quả, góp phần lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua bán phục vụ sản xuất và tiêu dùng của người dân, nhất là khu vực nông thôn, góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

IV. Đánh giá chung kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển thuộc ngành công thương giai đoạn vừa qua tiếp tục phát triển và đóng góp cao cho phát triển kinh tế của tỉnh. Hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất, các KCN và cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư, nâng cấp, mở rộng và từng bước hoàn thiện, thu hút được nhiều dự án đầu tư,... Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp liên quan đến kinh tế biển (trừ nhà máy lọc dầu) có quy mô nhỏ, hạn chế về vốn,... trình độ công nghệ sản xuất của các nhóm ngành công nghiệp chưa cao chủ yếu là sơ chế (sản phẩm thủy sản,..) hoặc gia công lắp ráp (sản phẩm điện tử,..),... Công nghiệp chế biến, hỗ trợ và hóa dầu chưa phát triển, một số dự án triển khai chậm, kéo dài gây lãng phí đất đai,...

Riêng nhà máy lọc dầu, trong giai đoạn vừa qua, Nhà máy lọc dầu Dung Quất tiếp tục đạt giá trị sản xuất cao, có sức lan tỏa rộng và hấp dẫn thu hút đầu tư đối với các ngành công nghiệp sau lọc dầu, ngành dịch vụ hỗ trợ dầu khí, thương mại..., qua đó khẳng định được vai trò hạt nhân của Khu kinh tế Dung Quất, tạo thành vùng lõi phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung.

2. Nguyên nhân tồn tại hạn chế

Hầu hết các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp nói chung và công nghiệp cho phát triển kinh tế biển nói riêng có quy mô vừa và nhỏ, máy móc thiết bị công nghệ ở mức trung bình hoặc dưới trung bình, tiêu tốn nhiều nguyên, nhiên liệu, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, năng suất lao động và sức cạnh tranh, khả năng hội nhập thấp.

Giá trị công nghiệp tỉnh tăng dần qua các năm, tuy nhiên phụ thuộc lớn vào sản phẩm lọc dầu (chiếm gần 60%), các ngành công nghiệp khác có tỷ trọng thấp (chiếm ~17%). Công nghiệp chế biến, hỗ trợ và hóa dầu chưa phát triển; một số dự án thực hiện chậm, kéo dài gây lãng phí đất đai.

Công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho phát triển các ngành công nghiệp còn nhỏ, manh mún, dẫn đến chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

Vùng nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản còn hạn chế cả về năng suất và chất lượng, chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết và biến động của thị trường, thiếu tính ổn định.

Hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và các khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ đã ảnh hưởng nhiều đến việc mời gọi thu hút đầu tư; chưa hình thành được tuyến vận chuyển container tại cảng Dung Quất dẫn đến chi phí vận chuyển cao; quỹ đất sạch cho đầu tư công nghiệp chưa được giải quyết kịp thời ảnh hưởng đến triển khai các dự án đầu tư.

Các cơ chế khuyến khích hiện tại chưa thu hút được mạnh các nhà đầu tư vào địa bàn, nhất là các nhà đầu tư có trình độ công nghệ cao. Các yếu tố hỗ trợ cho phát triển công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, yếu về nguồn lực, hạn chế về nguyên liệu.

Hệ thống các cửa hàng bán lẻ đã hành thành và phát triển. Tuy nhiên phần lớn các sản phẩm được sản xuất trên địa bàn tỉnh chưa đi vào chuỗi cung ứng hàng hóa này.

Phần thứ hai

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian đến

1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế biển đối với công nghiệp

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp; triển khai xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị, Chương trình số 37-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị Quyết 23-NQ/TW và Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thực hiện Chương trình số 37-CTr của Tỉnh ủy; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp cùng Bộ Công Thương:

+ Xây dựng Đề án Quy hoạch Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại KKT Dung Quất.

+ Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ nhà đầu tư sớm thực hiện hoàn thành các dự án: Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất lên 8,5 triệu tấn/năm; dự án Nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất mở rộng lên 9 triệu tấn/năm; các Nhà máy điện khí tại Khu kinh tế Dung Quất; dự án Bến cảng tổng hợp – container Hòa Phát Dung Quất...;

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Định hướng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực, thế mạnh của tỉnh nói riêng, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung, như công nghiệp hỗ trợ ngành dầu khí, ngành cơ khí, luyện kim, đóng tàu, ngành chế biến thủy sản, qua đó nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giá trị tăng thêm các sản phẩm công nghiệp kinh tế biển của tỉnh.

- Xây dựng đề án lựa chọn, hình thành một số cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị.

- Xây dựng triển khai đề án khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới máy móc, thiết bị; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, giá trị gia tăng sản phẩm.

- Hỗ trợ, kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đồng bộ, hệ thống xử lý môi trường đảm bảo.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp về tiết kiệm năng lượng, về áp dụng sản xuất sạch hơn, về sản xuất và tiêu dùng bền vững, về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi trách nhiệm ngành Công Thương.

- Bồi dưỡng, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Thương mại

- Đẩy mạnh phát triển thương mại, tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tăng cường hỗ trợ xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa thế mạnh, chủ lực của tỉnh góp phần thúc đẩy sản xuất.

- Đa dạng hóa và tăng cường thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, hội nghị kết nối cung cầu; phát triển thương mại điện tử gắn kết thanh toán không dùng tiền mặt, tạo mới điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh trên thị trường trong và ngoài nước; tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, đưa sản phẩm nông lâm thủy sản vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại tiêu thụ và xuất khẩu.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác tối đa các cơ hội có được từ quá trình hội nhập, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực khi nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Đối với mặt hàng dăm gỗ hiện đang gặp khó khăn do quá phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu Trung Quốc. Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác các thị trường mới, có tiềm năng như: Nhật bản, Hàn quốc, Đài Loan,... để thay thế, giảm phụ thuộc vào một thị trường Trung Quốc. Đồng thời, để tiến đến giảm xuất khẩu thô: các doanh nghiệp dăm gỗ cần nghiên cứu, áp dụng công nghệ chuyển sang sản xuất sản phẩm mới khác (ván ghép thanh,...) cũng từ nguyên liệu đầu vào là gỗ Keo lai, Bạch đàn nhưng tinh hơn và có giá trị tăng thêm cao hơn dăm gỗ; doanh nghiệp tinh bột mì cần đầu tư máy móc thiết bị, quy trình công nghệ để sản xuất tinh bột mì biến tính, hiện có giá trị xuất khẩu cao hơn và thị trường cũng rộng mở hơn.

- Thu hút đầu tư, hình thành trung tâm logistics gắn với Cảng nước sâu Dung Quất và 01 trung tâm hội chợ triển lãm thương mại tại thành phố Quảng Ngãi. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động chợ, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ.

Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên – Môi trường;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Rân